TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115**/2022/HNGĐ–ST
Ngày: 06-12-2022
V/v ly hôn, chia tài sản
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 455/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1997; HKTT: ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: 163/1D đường T1, ấp A, xã M1, thành phố B, tỉnh Bến Tre. *(Xin vắng mặt)*

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn phần tài sản: Anh Ngô Minh N, sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp Đ, xã T2, huyện M1, tỉnh Bến Tre. *(Xin vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp V, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn phần tài sản: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn M2, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị M3 - Công ty Luật Mirai Việt Nam - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (*Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh Q do quen biết rồi tiến đến hôn nhân, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện M vào ngày 18/02/2021 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, chị và anh Q chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở ấp V, xã A1, huyện M. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh Q không quan tâm, chia sẻ với chị, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cự cãi nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Gia đình hai bên đã động viên cho vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh Q được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản của anh Q, chị có ý kiến như sau: Toàn bộ tài sản anh Q yêu cầu là tài sản riêng của chị nên chị không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của anh Q. Nguồn gốc 10 chỉ vàng 24K 9999 (một sợi dây chuyền 05 chỉ, một chiếc lắc đeo tay 05 chỉ), 05 chỉ vàng 18K (một bộ vòng xi men) và một đôi bông tai hột xoàn 3.6 li do gia đình nhà chồng cho riêng chị trong ngày đám hỏi, khi chị và anh Q chưa đăng ký kết hôn. Nguồn gốc chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode biển số 71B4-702.54 và chiếc điện thoại di động Ipnone 13 Promax do cha mẹ ruột của chị là ông Lê Văn Hùng và bà Trương Thị Na cho riêng chị. Chiếc xe máy trên hiện do chị đang quản lý, chiếc điện thoại bị hư không còn sử dụng được, số vàng và đôi bông hột xoàn không còn do chị đã bán chi tiêu cho cuộc sống và rớt mất.

Bị đơn anh Nguyễn Minh Q trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị D về điều kiện, hoàn cảnh tiến đến hôn nhân, việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống. Tuy nhiên, theo anh nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, không hạnh phúc là do chị D thường xuyên vắng nhà. Chị D làm việc văn phòng, có thời gian ổn định nhưng ngày chủ nhật đi đâu không rõ, không cho anh đi theo, về nhà cha mẹ ruột cũng không để anh đi cùng. Thời gian vợ chồng ly thân là từ tháng 01 năm 2022 là đúng. Nay chị D xin ly hôn thì anh đồng ý vì vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Về con chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị D có các tài sản chung gồm: 10 chỉ vàng 24K 9999 (một sợi dây chuyền 05 chỉ, một chiếc lắc đeo tay 05 chỉ), 05 chỉ vàng 18K (một bộ vòng ximen), một đôi bông tai hột xoàn 3.6 li, một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode biển số 71B4-702.54, một chiếc điện thoại di động Ipnone 13 Promax. Toàn bộ các tài sản trên do chị D đang quản lý sử dụng. Anh yêu cầu chia đôi tất cả, chị D nhận tài sản và có trách nhiệm hoàn trả cho anh ½ giá trị. Nguồn gốc số vàng và đôi bông tai hột xoàn do gia đình anh cho chung vợ chồng trong ngày đám hỏi, chiếc xe máy và điện thoại di động là do tiền chung của vợ chồng đi làm dành dụm để mua.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn phần tài sản là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Nguồn gốc số vàng và đôi bông tai hột xoàn là của gia đình anh Q cho chung vợ chồng trong ngày đám hỏi. Theo truyền thống cưới hỏi thì mục đích cho tài sản này là để vợ chồng có vốn làm ăn nên xác định toàn bộ là tài sản chung. Đối với xe máy Honda SH Mode và điện thoại di động Iphone 13 Promax là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên xác định là tài sản chung. Hơn nữa, anh Q có công sức đóng góp bằng tiền mặt và chuyển khoản cho chị D. Còn chị D cho rằng hai tài sản này là tài sản riêng nhưng tài liệu, chứng cứ phía chị D đưa ra không khách quan vì người thân thích của chị D xác nhận nên không đáng tin cậy. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của anh Q, chị D đang quản lý tất cả tài sản trên nên buộc chị D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Q ½ giá trị tài sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Nguyễn Thị M trình bày:

Vàng cưới và đôi bông tai hột xoàn là gia đình anh Q cho riêng chị D trong ngày đám hỏi, lúc này chị D và anh Q chưa đăng ký kết hôn. Hơn nữa, tất cả đều là vàng trang sức của nữ, do chị D trực tiếp quản lý sử dụng (đeo trên người), anh Q không sử dụng các loại nữ trang này. Đối với xe máy Honda SH Mode và điện thoại di động Iphone 13 Promax do cha mẹ ruột chị D tặng cho riêng chị D. Văn bản xác nhận của người làm chứng đều có chứng thực chữ ký của cơ quan có thẩm quyền nên các văn bản này có giá trị pháp lý. Chị D thừa nhận anh Q có chuyển tiền cho chị D nhưng chuyển lắc nhắc nhiều lần trong nhiều tháng. Hơn nữa, không có nội dung chuyển tiền nào thể hiện anh Q chuyển tiền cho chị D là để mua xe hay mua điện thoại. Khi anh Q chuyển tiền, chị D đều đã rút ra để chi tiêu và chị D cũng có chuyển lại cho anh Q nhiều lần. Tại phiên toà, anh Q thừa nhận việc chi tiêu, sinh hoạt, mua sắm, vui chơi, giải trí của vợ chồng đều có sử dụng từ tiền của anh Q và chị D, chứng tỏ lời trình bày của chị D là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định toàn bộ tài sản trên là là tài sản riêng của chị D và không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D, chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn anh Nguyễn Minh Q. Cụ thể: Về hôn nhân: Công nhận chị D và anh Q thuận tình ly hôn; Về con chung: Không có nên không giải quyết; Về tài sản chung: Chị D được quyền quản lý, sử dụng một đôi bông tai hột xoàn 3,6 li, 10 chỉ vàng 24K 9999 và 05 chỉ vàng 18K; Buộc chị Lê Thị Mỹ D có trách nhiệm giao trả cho anh Q giá trị tương đương 05 chỉ vàng 24K 9999 và 2,5 chỉ vàng 18K. Không chấp nhận yêu cầu của anh Q về việc chia tài sản chung của vợ chồng là 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax và 01 xe SH Mode biển số 71B4-702.54. Về nợ

chung: Không có nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Minh Q nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Q có nơi cư trú tại ấp V, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, anh Q có yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Toà án thụ lý giải quyết chung trong cùng vụ án là phù hợp quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chị D và người đại diện theo uỷ quyền phần tài sản là anh Ngô Minh N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh N.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử nhận định: Chị D và anh Q quen biết tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 18/02/2021 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị D và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự thấu hiểu, chia sẻ, từ những mâu thuẫn nhỏ không giải quyết được dẫn đến mất tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 nhưng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án cả chị D và anh Q đều thống nhất ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị D và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D và anh Q thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Xét về con chung: Chị D và anh Q thống nhất vợ chồng không có con chung nên không giải quyết.

[7] Xét về tài sản chung: Chị D trình bày giữa chị và anh Q không có tài sản chung. Anh Q trình bày anh và chị D có tài sản chung gồm 10 chỉ vàng 24K 9999 (một sợi dây chuyền 05 chỉ, một chiếc lắc đeo tay 05 chỉ), 05 chỉ vàng 18K (một bộ

vòng ximen), một đôi bông tai hột xoàn 3.6 li, một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode biển số 71B4-702.54, một chiếc điện thoại di động Ipnone 13 Promax. Anh Q yêu cầu Toà án giải quyết chia đôi toàn bộ số tài sản chung nêu trên, do chị D đang quản lý sử dụng nên anh yêu cầu chị D hoàn trả cho anh ½ giá trị. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Đối với 10 chỉ vàng 24K 9999 (một sợi dây chuyền 05 chỉ, một chiếc lắc đeo tay 05 chỉ), 05 chỉ vàng 18K (một bộ vòng xi men) và một đôi bông tai hột xoàn 3.6 li, chị D và anh Q thống nhất đây là tài sản được gia đình anh Q cho trong ngày đám hỏi khi anh chị chưa đăng ký kết hôn. Chị D cho rằng cho riêng chị, anh Q cho rằng cho chung hai vợ chồng nhưng không ai cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, theo phong tục, tập quán cưới hỏi, đôi bông tai là lễ vật nhà trai tặng riêng cho cô dâu, còn số vàng cưới được cho chung để vợ chồng có vốn làm ăn, chuẩn bị cho cuộc sống hôn nhân sau này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đôi bông tai hột xoàn 3.6 li là tài sản riêng của chị D, không chấp nhận yêu cầu của anh Q vệ việc phân chia tài sản này. Số vàng cưới còn lại là tài sản chung của vợ chồng nên theo nguyên tắc chia đôi, chị D và anh Q mỗi người được chia 05 chỉ vàng 24K 9999 và 2,5 chỉ vàng 18K. Chị D quản lý toàn bộ số vàng trên nhưng chị D cho rằng đã bán tiêu xài trong lúc ốm đau bệnh tật và rớt mất nhưng không được anh Q thừa nhận, chị D không cung được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên buộc chị D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Q ½ giá trị. Giá vàng xác định như sau: Vàng 24K 9999 là 5.355.000 đồng/chỉ, vàng 18K là 4.032.000 đồng/chỉ (Nguồn https://vietnambiz.vn/ ngày 06/12/2022).

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, số máy JK01E0239800, số khung RLHJK011XMZ667990 màu sơn đỏ đen biển số đăng ký 71B4-702.54 do chị Lê Thị Mỹ D đứng tên chủ xe và chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax dung lượng 256GB màu xanh Blue trị giá lúc mua là 29.500.000 đồng, chị D cho rằng đây là tài sản riêng của chị. Nguồn gốc tài sản là do cha mẹ ruột chị là ông Lê Văn Hùng và bà Trương Thị Na mua cho chị. Tài liệu, chứng cứ chị D cung cấp là văn bản xác nhận của ông Lê Văn Hùng và bà Trương Thị Na, phiếu mua hàng tại Cửa hàng xe máy Huy Hoàng Mỏ Cày Nam, văn bản xác nhận của ông Lê Văn Út Em là người cùng đi mua xe, các văn bản trên đều có chứng thực chữ ký của Uỷ ban nhân dân xã Phước Hiệp. Anh Q cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng. Nguồn gốc tài sản là do chị D mua từ tiền để dành của vợ chồng (tiền của chị D, tiền mặt anh đưa và anh chuyển khoản). Tài liệu, chứng cứ anh Q cung cấp là Bản in từ Gmail Thông báo giao dịch anh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Q cho rằng có đưa tiền mặt cho chị D để dành nhưng chị D không thừa nhận, anh Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Chị D và anh Q thống nhất anh Q có chuyển cho chị D tổng số tiền là 31.891.549 đồng nhưng chuyển nhiều lần trong nhiều tháng. Chị D không thừa nhận anh Q chuyển tiền là để chị mua xe và mua thoại. Căn cứ bản sao kê quá trình giao dịch tài khoản ngân hàng do chị D cung cấp cho thấy chị D có rút tiền tương ứng với thời gian anh Q chuyển tiền, đồng thời chị D có nhiều lần chuyển khoản ngược lại cho anh Q. Mặt khác, số tiền anh Q chuyển cho chị D thấp hơn nhiều với giá trị tài sản được mua và nội dung giao dịch chuyển tiền không thể hiện mục đích để mua

sắm các tài sản trên. Tại biên bản hoà giải ngày 25/7/2022 anh Q có trình bày nội dung "Đây là số tiền tôi chuyển khoản để vợ chồng chi tiêu còn việc có mua xe, mua điện thoại hay không thì tôi không biết". Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 21/9/2022 của TAND huyện Mỏ Cày Nam, đại diện của Cửa hàng xe máy Huy Hoàng cho biết ông Lê Văn Hùng là người trực tiếp giao tiền cho thu ngân của cửa hang. Tại văn bản xác nhận ngày 03/10/2022 của ông Võ Thành Công đã được Văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân chứng thực chữ ký, ông Công xác nhận là chủ cửa hàng bán chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax cho bà Trương Thị Na và giao đến tận nhà cho bà Na. Các nội dung này phù hợp với lời trình bày của chị D và nội dung xác nhận của ông Hùng, bà Na, ông Út Em. Từ các lý do trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chiếc xe máy Honda SH Mode biển số 71B4-702.54 và chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax là tài sản riêng của chị D. Do đó, yêu cầu của anh Q chia đôi hai tài sản này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét về nợ chung: Chị D và anh Q thống nhất vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[9] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Xét về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng anh Q có nghĩa vụ chịu do yêu cầu chia tài sản chung của anh đối với các tài sản phải định không được chấp nhận. Hoàn trả cho anh Q số tiền tạm ứng còn lại.

[11] Xét về án phí: Chị D có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn, chị D và anh Q có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản chung được chia theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 33, 43, 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, 165, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản của bị đơn anh Nguyễn Minh Q. Cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh Q.

- Về con chung: Không có, không giải quyết.

- Về chia tài sản:

Chị D và anh Q mỗi người được chia 05 chỉ vàng 24K 9999 và 2,5 chỉ vàng 18K. Do chị D đang quản lý toàn bộ số vàng trên nên giao cho chị D quản lý, sử dụng

toàn bộ, buộc chị D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Q giá trị của 05 chỉ vàng 24K 9999 và 2,5 chỉ vàng 18K, tổng cộng là 36.855.000 (Ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Q về việc chia tài sản chung của vợ chồng là một chiếc xe máy Honda SH Mode biển số 71B4-702.54 và một chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax.

- Về nợ chung: Chị D và anh Q đều khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Lê Thị Mỹ D có nghĩa vụ chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005845 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Án phí chia tài sản:

Chị Lê Thị Mỹ D có nghĩa vụ chịu là 1.843.000 (Một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ chịu là 1.843.000 (Một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007847 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho anh Q số tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Minh Q chó nghĩa vụ chịu là 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Hoàn trả cho anh Q số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn lại là 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân